

Luật tục Ê-đê trong quản lý phát triển xã hội buôn làng

Phạm Thị Xuân Nga*

Nhận ngày 17 tháng 2 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 13 tháng 9 năm 2022.

Tóm tắt: Kho tàng văn hóa dân gian của người Ê-đê hết sức phong phú, đa dạng trong đó có luật tục, sử thi (khan), truyện cổ... Luật tục (tập quán pháp) được tích lũy từ thực tế đời sống, là tri thức của dân tộc về tự quản và quản lý cộng đồng. Luật tục Ê-đê là sản phẩm có giá trị cả về nội dung và hình thức thể hiện và là niềm tự hào của cộng đồng Ê-đê. Bài viết trình bày những giá trị của luật tục của người Ê-đê trong quản lý, phát triển cộng đồng buôn làng. Đáng chú ý là mối quan hệ hai mặt: quan hệ cộng đồng buôn làng với người đầu làng; quan hệ hôn nhân, gia đình và các điều khoản liên quan đến tài sản, thừa kế, các trọng tội làm tổn hại đến lợi ích cộng đồng, vi phạm phong tục tập quán, đạo đức xã hội...

Từ khóa: Luật tục, Luật tục Ê-đê, quản lý buôn làng, phát triển xã hội buôn làng.

Phân loại ngành: Văn hóa học

Abstract: The folklore treasures of the Ê-đê people are very rich and diverse, including customary laws, epics (khan), ancient stories... Customary laws are accumulated from real life, which is the nation's knowledge of self-governance and community management. Ê-đê customary law is a valuable product both in content and form of expression, the pride of the Ê-đê community. The article presents the values of customary law of the Ê-đê people in the management and development of the village community. Notably, it is the two-sided relationship, the first is the relationship between the village community and the village head, and the second is the marital and family relations and provisions related to property, inheritance, felonies that harm community interests, violation of customs, traditions, social ethics, etc.

Keywords: Customary law, Ê-đê customary law, village management, village society development.

Subject classification: Cultural studies

1. Đặt vấn đề

Luật tục (customary law, folk law, traditional law) là sản phẩm của xã hội cổ truyền (xã hội được tổ chức trên cơ sở gia đình mẫu hệ, phát triển ở thời kỳ tiền giai cấp, tiền quốc gia, một xã hội còn mang tính khép kín). Ở Việt Nam, luật tục có ở hầu hết các dân tộc thiểu số. “Đó là một hình thức của tri thức bản địa, tri thức địa phương, được hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài, qua kinh nghiệm ứng xử với môi trường và ứng xử xã hội. Nó hướng đến việc hướng dẫn, điều chỉnh và điều hòa các quan hệ xã hội, quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên. Những chuẩn mực ấy của luật tục được cả cộng đồng thừa nhận và thực hiện, tạo nên sự thống nhất và công bằng xã hội của mỗi cộng đồng” (Đoàn Văn Phúc, 1998, tr.180). Trong khoa học pháp lý, luật tục là những quy tắc xử sự mang tính chất bắt buộc do các cộng đồng làng xã xây dựng nên và được truyền từ đời này sang đời khác (Ngô Đức Thịnh, 1996, tr.528).

Người Ê-đê gọi di sản luật tục của mình là *klei bhiăn kdi*. Đây là bộ luật bất thành văn quy định cách ứng xử của con người với con người và cách ứng xử của con người với thế giới tự nhiên. Tính chất nền sản xuất, thiết chế gia đình, tín ngưỡng đã hình thành nên bản sắc văn hóa của người Ê-đê,

* Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: xuanngham1982@gmail.com

trong đó có văn hóa pháp lý được thể hiện trong luật tục của họ. Mặc dù cuộc sống còn hoang sơ, nhưng sự hình thành luật tục của người Ê-đê đã phản ánh nhu cầu khách quan là: cần quản lý, phối hợp và điều chỉnh những mối quan hệ giữa các thành viên trong cộng đồng để duy trì sự tồn tại và phát triển. Trong quá trình đó, luật tục đã dần được hình thành từ những kinh nghiệm được chắt lọc qua cuộc sống của nhiều thế hệ, góp phần tạo nên các giá trị văn hóa tinh thần truyền thống của dân tộc, cụ thể hóa các chuẩn mực đạo đức, pháp lý theo quan niệm của cộng đồng.

Nhiều tác giả đã quan tâm sâu sắc nghiên cứu Luật tục Ê-đê. Trước tiên, phải kể đến cuốn *Luật tục Ê-đê (tập quán pháp)* của các tác giả Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn và Nguyễn Hữu Thấu (1996), có đối chiếu so sánh với bộ luật tục Ê-đê của L. Sabatier, đây là tư liệu có giá trị, khái quát về văn hóa, xã hội tộc người. Công trình *Những mảng màu văn hóa Tây Nguyên* của tác giả Ngô Đức Thịnh (2007) đề cập đến luật tục Tây Nguyên trong quản lý cộng đồng về các vấn đề phát triển nông thôn ở Việt Nam cũng như quản lý tài nguyên thiên nhiên, buôn làng của các tộc người ở Tây Nguyên. Nghiên cứu bàn về tầm quan trọng của luật tục trong đời sống, có bài viết “Luật tục các dân tộc bản địa ở Tây Nguyên” của Lâm Bá Nam (2010); bài viết “Luật tục của các dân tộc thiểu số vùng Tây Nguyên trong phát triển bền vững” của Đỗ Văn Dương và Lê Duyên Hà (2015). Gần đây, tác giả Trương Thị Hiền (2017) có công trình “Luật tục Ê-đê, một nền tư pháp hòa giải”. Các công trình này đã khái quát vai trò của luật tục nói chung và chỉ dừng lại ở việc khái quát, đề cập đến vai trò của luật tục trong đời sống văn hóa, xã hội nói chung mà chưa đi sâu phân tích giá trị của Luật tục Ê-đê trong quản lý phát triển xã hội buôn làng. Bài viết trình bày việc quản lý buôn làng bằng luật tục của người Ê-đê, từ đó phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tộc người trong quản lý phát triển xã hội đương đại.

2. Nội dung, giá trị của luật tục Ê-đê

2.1. Nội dung của luật tục Ê-đê

Văn bản Luật tục Ê-đê được L. Sabatier chia 236 điều ra làm 11 chương và cơ cấu, sắp xếp nội dung theo từng mảng chủ đề, tương ứng với các bình diện khác nhau của đời sống xã hội.

Luật tục Ê-đê không có sự phân định rõ ràng giữa các quy phạm điều chỉnh những quan hệ dân sự và những hành vi phạm tội. Điều này xuất phát từ một thực tế là do trình độ sản xuất thấp kém nên những quan hệ dân sự trong cộng đồng người Ê-đê còn rất mờ nhạt, đặc biệt là quan hệ trao đổi hàng hóa (mua bán, vay mượn), chỉ được quy định trong 6 điều, từ điều 186 đến điều 191 với nội dung rất đơn giản. Số lượng điều luật chiếm nhiều nhất và cũng chặt chẽ nhất là những điều luật quy định về Hôn nhân và gia đình (54 điều). Có thể nói, đây là nhóm quan hệ xã hội rường cột nhất chi phối đời sống của từng cá nhân trong cộng đồng. Thứ đến là vấn đề sở hữu tài sản (38 điều), đó là tài sản của gia đình mẫu hệ. Mọi của cải trong gia đình đều thuộc quyền quản lý của mẹ hay người đại diện cho mẹ là chị cả. Nhóm những điều luật chiếm vị trí thứ 3 về số lượng (33 điều), quy định mối quan hệ giữa người đứng đầu buôn với các thành viên, nhằm đảm bảo kỷ cương, đảm bảo quyền dân chủ, bình đẳng trong quan hệ cộng đồng buôn làng.

Về nội dung, Luật tục Ê-đê đã đề cập đến hầu hết các lĩnh vực khác nhau của đời sống, từ sản xuất, tổ chức xã hội đến quan hệ cộng đồng, gia đình và quan hệ gia đình, quan hệ nam nữ đến lễ nghi, tín ngưỡng... mặc dù ở mức độ nào đó chỉ mới bó hẹp trong phạm vi buôn làng. Luật tục được đặt ra những khuôn khổ, cách thức sống không đơn thuần là sự nhận thức cảm tính mà đã được định hình bằng những lý lẽ được coi như chân lý mà bất kể ai cũng phải tuân thủ.

2.2. Giá trị của luật tục Ê-đê

Luật tục Ê-đê có giá trị nhiều mặt, vì vậy luật tục là đối tượng nghiên cứu cùng lúc của nhiều ngành khoa học như: dân tộc học, xã hội học tộc người, tâm lý học tộc người, luật học, ngôn ngữ

học, văn hóa học... Đây là nguồn tài liệu vô cùng quý báu để nghiên cứu tộc người và văn hóa tộc người nói chung, văn hóa tộc người Ê-đê nói riêng. Luật tục còn là vốn tri thức dân gian về nhiều phương diện như quản lý cộng đồng, các quy tắc ứng xử cộng đồng, văn hóa buôn làng...

Thứ nhất, Luật tục là nguồn tư liệu quan trọng để nghiên cứu xã hội tộc người và văn hóa tộc người, Luật tục Ê-đê đề cập đến nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống cộng đồng như: sản xuất, quan hệ sở hữu, tổ chức xã hội, quan hệ cộng đồng, hôn nhân, gia đình, phong tục, lễ nghi,... Luật tục như là một tư liệu gốc để nhận biết về bức tranh văn hóa tổng hợp của tộc người Ê-đê với các đặc trưng cơ bản: kiếm sống bằng cách làm rẫy, săn bắn, hái lượm; thích ăn cơm tẻ bằng nồi với cá và các thực phẩm nướng, uống rượu cần và hút thuốc lá bằng tẩu; cư trú trong ngôi nhà sàn dài của dòng họ mẹ; *buôn* là đơn vị xã hội duy nhất; hôn nhân trao đổi giữa hai dòng họ gốc là Niê và Mlô; khuyến khích kết hôn con cô, con cậu, giữ gìn và tuân theo tục *cuê nuê*; tín ngưỡng đa thần, tin ở vạn vật hữu linh; xã hội vận hành theo luật tục; văn chương truyền miệng và âm nhạc công cộng phát triển,... Luật tục Ê-đê đã thể hiện khá chi tiết đặc trưng văn hóa tộc người. “Có thể coi đây là những chuẩn mực ứng xử xã hội đã hình thành trong quá trình phát triển lâu dài của cộng đồng, được mọi người chấp nhận và tự giác tuân theo để thành tập quán... Ở đây, “Luật tục” từ đời sống cộng đồng mà hình thành, phản ánh chân thật bộ mặt xã hội cổ truyền của dân tộc. Bởi thế, để tìm hiểu dân tộc và xã hội tộc người, nhất là xã hội cổ truyền thì “Luật tục” như là một tài liệu gốc không có gì thay thế” (Đoàn Văn Phúc, 1998, tr.270).

Thứ hai, Luật tục Ê-đê là một di sản văn hóa tộc người. Ngoài giá trị tư liệu để nghiên cứu xã hội tộc người, Luật tục Ê-đê còn có giá trị lớn về văn hóa và là di sản độc đáo, quý báu của dân tộc. Ngôn ngữ của Luật tục là loại văn vần (*klei duê*), đó là hình thức chuyển giữa khẩu ngữ hàng ngày với ngôn ngữ thơ ca. Việc tạo ra một văn bản có vần, có nhịp làm tăng thêm tính hấp dẫn, đồng thời cũng giúp cộng đồng dễ nhớ trong bối cảnh là một văn bản truyền khẩu. Chính hình thức này đã làm ngôn ngữ của luật tục gần gũi với ngôn ngữ thơ ca.

Thứ ba, Luật tục Ê-đê là kho tàng tri thức dân gian. Có thể nói, *Luật tục* đề cập đến hầu hết các phương diện của đời sống xã hội, từ sản xuất nông nghiệp, tổ chức xã hội, từ quan hệ cộng đồng, gia đình và quan hệ gia đình, hôn nhân, về nghi lễ, lễ hội, phong tục, tập quán... Ở từng lĩnh vực, các tri thức đó đều được định hình và nêu thành các nguyên tắc ứng xử nhằm giáo dục, răn đe mọi người, ngăn chặn những hành vi làm tổn hại đến lợi ích của người khác và của cộng đồng, hướng con người tới điều thiện, phù hợp với nhận thức và trình độ xã hội, đảm bảo sự ổn định và điều tiết xã hội.

Thứ tư, Luật tục Ê-đê, một biểu hiện của thiết chế xã hội. Xã hội Ê-đê cổ truyền là một xã hội khép kín. Buôn là *thực thể đơn nhất*. Buôn làng thực hiện chức năng “kép”: vừa là đơn vị cư trú, vừa là đơn vị tự quản. Buôn là đơn vị hành chính duy nhất của cộng đồng Ê-đê. Buôn làng được hợp thành bởi nhiều gia đình mẫu hệ. Trong mỗi gia đình mẫu hệ thường có vài thế hệ cùng sinh sống. Với 236 điều, Luật tục đã thể hiện là một công cụ của một thiết chế xã hội với mọi hoạt động của cộng đồng, gia đình và các thành viên trong xã hội buôn làng.

3. Vai trò của luật tục Ê-đê trong quản lý, phát triển xã hội buôn làng

Với ý nghĩa là tri thức dân gian về quản lý cộng đồng, Luật tục có vai trò rất lớn trong xã hội, nhất là xã hội tiền giai cấp. Luật tục Ê-đê hàm chứa những quy định liên quan đến nhiều mặt của đời sống cộng đồng và bắt buộc các thành viên phải tuân theo. Những quy định ấy, căn bản bảo đảm lợi ích chung của cộng đồng, được cộng đồng thông qua và cam kết thực hiện. Ai làm trái quy định của luật tục sẽ bị xử phạt hoặc bị cộng đồng lên án.

Ngoài những quy định chung về cách ứng xử với thế giới tự nhiên thì hơn hết, vấn đề đặt ra trong luật tục là nhằm giải quyết các mối quan hệ cộng đồng của buôn làng: quan hệ sở hữu, quan hệ giữa

chủ làng với dân làng và ngược lại, các quan hệ gia đình, phong tục và lễ nghi. Dù ở điều khoản nào, các quy định cũng đều cụ thể, rõ ràng với nguyên tắc bao trùm lên mọi quan hệ là quan hệ cộng đồng. Những sự việc làm tổn hại đến lợi ích của cá nhân, gia đình, cộng đồng, vi phạm đến phong tục tập quán, đạo đức xã hội... đều là cơ sở để người Ê-đê xây dựng các điều khoản trong luật tục.

3.1. Đối với mối quan hệ giữa người đứng đầu - dân làng

Để quản lí buôn làng, luật tục của người Ê-đê rất chú trọng đến mối quan hệ giữa người đứng đầu buôn (*khoa buôn/ khoa pin ea*) và các thành viên trong cộng đồng. Đây là mối quan hệ hai mặt: trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền của người dân cũng như của người đứng đầu làng. Một mặt, nó vừa đảm bảo kỉ cương xã hội, vừa đảm bảo quyền bình đẳng trong quan hệ cộng đồng buôn làng. Luật tục quy định: “Nếu là con đàn bà không chịu vâng lời, là thằng đàn ông không chịu vâng lệnh, là những đứa không ưa lời dạy bảo của người thủ lĩnh cũng như không nghe lời dạy bảo của cha mẹ chúng, thì chúng đều là những kẻ có tội, có việc phải đưa ra xét xử giữa người ta với chúng” (điều 25). Ngoài ra, người dân phải có nghĩa vụ giúp đỡ người đứng đầu làng khi “gặp khó khăn trong việc chòi rẫy, có khó khăn trong việc sửa chữa chôn ở, nơi ăn” (điều 36). Mặt khác, người Chủ buôn không được lạm quyền; sử dụng quyền uy thác để vô cớ bắt bớ, giam cầm, xử oan người khác, không làm tròn trách nhiệm là “cây đa, cây sung” của mình, không chăm lo chu đáo đến dân làng. Điều 66 quy định: “Ông ta là cây đa đầu suối, cây sung đầu làng, là người trông coi những người anh em con cháu dân làng (...) Cái nong xỏ vành, ông ta không lo cạp lại; cái nĩa xỏ vành, ông ta cũng không lo cạp lại. Là người tù trưởng nhà giàu mà ông ta không lo xét xử các vụ việc giữa dân làng (...). Như vậy là ông ta có tội, tội làm tan cửa nát nhà buôn làng ông ta”. Qua đó, có thể nhận thấy rất rõ trách nhiệm, nghĩa vụ trong mối quan hệ qua lại giữa người đứng đầu làng với đồng bào buôn làng Ê-đê qua luật tục.

Mặt khác, tính cộng đồng trong tộc người Ê-đê luôn được đặt lên hàng đầu. Họ quan niệm dù là dòng họ nào thì cũng có nguồn gốc “từ ông bà xưa”. Sự tương thân tương ái thể hiện trong cuộc sống thường ngày, trong khó khăn, hoạn nạn. Bất cứ ai đi ngược với truyền thống này, chẳng hạn như không chăm sóc người ốm chu đáo, bỏ đi hay lẩn tránh khi có tiếng kêu cứu thì *phải đưa hấn ra xét xử giữa người đầu làng với hấn*.

Ngày nay, vai trò của các trưởng buôn có phần thay đổi bởi sự hiện diện của chính quyền Nhà nước bên cạnh các thiết chế xã hội truyền thống. Các trưởng buôn được bầu theo các tiêu chí mới, cách thức mới và dường như họ đại diện cho Nhà nước tại buôn làng nhiều hơn là đại diện cho cộng đồng. Tuy nhiên, với vốn hiểu biết phong phú, nhất là về phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa dân tộc, các trưởng buôn, già làng được cộng đồng rất coi trọng và trao gửi niềm tin. Họ vẫn phát huy vai trò quan trọng trong việc giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, động viên cộng đồng phát triển kinh tế, xây dựng buôn làng. Khác với luật pháp, luật tục mang tính đặc thù, tính địa phương, vì vậy cộng đồng Ê-đê thực thi các điều luật bằng sự tự nguyện, tự giác. Ngoài việc tuân thủ pháp luật, quan hệ giữa người đứng đầu làng, trưởng buôn với cộng đồng ngày nay vẫn dựa trên nguyên tắc nghĩa vụ và quyền lợi để xây dựng xã hội và đời sống văn hóa ở các buôn làng Ê-đê.

3.2. Đối với vấn đề hôn nhân và gia đình

Vấn đề gia đình, luật tục quy định rõ trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ phải giáo dục con cái trở thành người tốt: “Nếu những đứa con làm điều này điều nọ, nếu chúng đi tầm bậy tầm bạ như kẻ điên dại; nếu chúng ăn uống bê tha, nôn mửa, ỉa đái ngay bên cạnh các ché rượu; nếu chúng đi rình mò, thì tay lấy trộm, lấy cắp của người ta; nếu người làm cha, làm mẹ làm ngo, chấp nhận tất cả những hành vi xấu xa mà con cái họ có thể làm, thì họ là những người chịu trách nhiệm” (điều 143).

Điều 148 của luật tục Ê-đê quy định xử phạt những người mẹ, người cha khuyến khích con ăn cắp ăn trộm. Họ chẳng khác gì là người đồng lõa, che giấu tội lỗi của con cái họ: “Họ đồng tình với con cái họ, ủng hộ mọi hành vi đó của con cái họ. Như vậy họ là những kẻ có tội, có việc phải đưa họ ra xét xử giữa họ với những người khác”.

Về phía con cái, luật tục nhấn mạnh trách nhiệm của chúng đối với cha mẹ như không được có cử chỉ bất kính, không vâng lời bề trên, tự động bỏ nhà, bỏ làng đi lang thang, không chăm sóc cha mẹ, ông bà. Nếu vi phạm quy định sẽ bị truất quyền thừa kế tài sản. Trong trường hợp có cử chỉ hành hung cha mẹ, còn bị đưa ra xét xử ở Tòa án phong tục: “Khi hấn đã có bấp chân to, hấn giẫm lên cha, khi hấn đã có đùi to, hấn đập lên mẹ; hấn là cây cuốc sắc, cây rựa bén quật lại cha mẹ, thì hấn là kẻ có tội, có việc phải đưa hấn ra xét xử giữa cha mẹ và hấn” (điều 147).

Việc giáo dục con cái là một việc làm rất quan trọng đối với mọi dân tộc. Cách ứng xử của các thành viên trong gia tộc người Ê-đê là kính trên nhường dưới, nhưng phải dựa trên cơ sở phải trái, công bằng. Người Ê-đê có câu giáo huấn: “*Con cái phải làm vui lòng cha mẹ/ Như cha mẹ đã làm vui lòng ông bà*”. Lời giáo huấn này được tiếp nối qua các thế hệ và được gìn giữ đến ngày nay ở buôn làng người Ê-đê. Đó là nét đẹp truyền thống của đạo đức cộng đồng.

Vấn đề hôn nhân được luật tục rất quan tâm. Đây có thể nói là vấn đề phức tạp, tế nhị nhất trong quan hệ cộng đồng của bất kỳ dân tộc nào. Do vậy, Luật tục Ê-đê đã dành 48 điều để nói đến vấn đề hôn nhân. Hôn nhân của người Ê-đê dựa trên tinh thần tự nguyện, không cưỡng ép. Điều 95 quy định rằng: “Trâu bò không ai ép thừng, trai gái không ai ép duyên. Nếu trai gái ưng nhau, tự họ sẽ cầm lấy vòng”.

Nét nổi bật trong nguyên tắc hôn nhân của người Ê-đê mà luật tục bảo vệ nghiêm ngặt là tục nối nôi (*cue nue*), có tới 9 điều đề cập đến các khía cạnh khác nhau của lệ tục này. Luật tục lặp đi lặp lại về vấn đề “Rằm nhà gãy thì phải thay, giát sàn nát thì thế, người này chết thì phải thay thế bằng người khác”. Nghĩa là, khi người chồng hoặc người vợ chết trước, gia đình của người đó có trách nhiệm tìm người khác thay thế (*nue*) để không làm gia đình bị suy yếu.

Ngày nay, với cuộc sống hội nhập, tục *cue nue* của người Ê-đê đã có nhiều chuyển biến. Tục không còn ép buộc mà dựa trên cơ sở tự nguyện. Nếu người trong dòng họ đồng ý thì việc “nối dây” mới được diễn ra. Người được dòng họ chọn lựa để “nối dây” với chị/em vợ hoặc anh/em rể được quyền từ chối cuộc hôn nhân nếu thấy không phù hợp với mình. Quy định này đã tiến bộ và phù hợp với nguyên tắc hôn nhân tự nguyện trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Người Ê-đê rất coi trọng việc vợ chồng kết hôn, ăn ở bền vững, không được bỏ nhau: “Đã lấy vợ thì phải ở với vợ cho đến chết; đã cầm càn mời rượu thì phải vào cuộc cho đến khi rượu nhạt; đã đánh công thì phải đánh cho đến khi người ta giữ tay lại” (điều 109). Đồng bào buộc tội bên nào đã gây ra việc chia lìa vợ chồng: “Nếu đã nhận làm chồng người ta mà anh không lấy người ta nữa, thì tội thuộc về anh, có việc phải đưa ra xét xử giữa người ta với anh” (điều 110).

Vấn đề trai gái quan hệ với nhau dẫn đến có con trước hôn nhân cũng được Luật tục Ê-đê quy định rõ ràng: “Họ ăn nằm với nhau cho đến khi cái lưng (người đàn bà) đã cong vào, cái bụng đã nhô ra, củ sắn đã đâm chồi, củ khoai đã nhú lên, cho đến nùm vú đã thâm đen, người đàn bà đã có mang có chửa. Người đàn ông như vậy là đã có tội” (điều 133). Tuy nhiên, luật tục cho phép người phụ nữ có thể lấy chồng khác nếu người chồng bị cầm tù, bị bắt làm nô lệ hay đi vắng lâu năm không trở về: “Chị ta đã chờ hết năm này qua năm khác, hết mùa khô này đến mùa khô khác. Đã đến lúc phải thôi đi những năm tháng đợi, phải để chị ta kiếm người chồng khác, một đời chồng thứ hai” (điều 134). Điều luật này cho thấy tính nhân đạo của cộng đồng Ê-đê.

Bên cạnh đó, gian dâm là nguyên nhân chính dẫn đến tan vỡ hạnh phúc gia đình nên luật tục cũng có 11 điều để ngăn chặn, hạn chế hành vi này. Ngoại tình, thông dâm là hiện tượng thường thấy và

là nguyên nhân chính phá hoại hạnh phúc gia đình. Luật tục Ê-đê đã dành nhiều điều khoản để ngăn chặn, hạn chế hành vi này, kể cả việc xử phạt những người vu khống người khác ngoại tình, thông dâm, dẫn đến mâu thuẫn và tan vỡ gia đình. Luật tục quy định rõ ba biểu hiện về hành vi gian dâm, đó là: loạn luân, thông dâm và hiếp dâm. Và mỗi tội được quy định mỗi mức độ xử lý khác nhau.

Loạn luân, tức là vi phạm nguyên tắc hôn nhân ngoại tộc theo dòng mẹ. Đó là một trong những tội nặng nhất trong các điều khoản của luật tục về hôn nhân - gia đình. Luật tục coi loạn luân là điều xấu xa, nhục nhã: “Người ta sẽ trích máu ngón tay những kẻ phạm tội, dâng máu đó cho thần sao băng, cho thần ong vò vẽ, cho thần các vũng nước rác để gột sạch các tội lỗi do loạn luân gây ra” (điều 157).

Người Ê-đê lên án và xử phạt nặng những kẻ thông dâm. Việc đàn ông thông dâm với nô lệ gái của mình hay việc người phụ nữ góa thông dâm khi chưa làm lễ bỏ mả cho chồng đều được xem là những người tội nặng. Vì theo đồng bào, việc này trái với đạo lý, quy định của con người.

Hiếp dâm, trong đó hiếp dâm, cưỡng dâm những bé gái ở độ tuổi vị thành niên được xử lý rất nghiêm khắc: “Đứa bé vốn chưa đến tuổi dậy thì, chưa biết muốn đàn ông. Hấn mặc kệ cứ cưỡng hiếp, không cần biết đúng sai phải trái... Như con lợn con trâu để hiến sinh, hấn sẽ phải chịu vì những việc hấn đã gây ra” (điều 155).

Qua tìm hiểu ở một số địa bàn người Ê-đê sinh sống hiện nay, chúng tôi nhận thấy rằng, ngoài việc vi phạm Luật Hôn nhân gia đình bị xử lý theo pháp luật, một số trường hợp người Ê-đê phạm lỗi đã tự thú với già làng hoặc trưởng buôn. Vì họ rất sợ bị chính quyền xử lý. Tâm lý họ sẽ mặc cảm, xấu hổ. Trong khi đầu thú với người đứng đầu buôn, họ chỉ chịu phạt cúng heo, trâu tùy mức độ phạm lỗi và chỉ những người trong buôn biết, không ai bàn tán gì thêm. Điều này cũng cho thấy tính đặc thù, linh hoạt của Luật tục Ê-đê trong quản lý xã hội.

3.3. Vấn đề tài sản và quyền sở hữu

Tài sản và quyền sở hữu tài sản luôn là vấn đề quan trọng của đời sống cộng đồng, dù cộng đồng đó còn ở trình độ kém phát triển hay đã đạt tới trình độ văn minh. Quan hệ cộng đồng của buôn làng Ê-đê hình thành trên cơ sở một nền sản xuất nương rẫy còn ở trình độ lạc hậu, trên cơ sở xã hội mà công hữu về tư liệu sản xuất còn là quan hệ thống trị. Xã hội đó chưa có sự phân hóa giai cấp, chưa có sự áp bức, bóc lột giữa người với người. Do vậy, buôn làng Ê-đê tồn tại hai hình thức sở hữu chủ yếu là sở hữu tập thể và sở hữu các nhân. Sở hữu tập thể bao gồm tất cả những gì mang tính chất chung của cả cộng đồng được hưởng lợi, trên mọi lĩnh vực, phương diện như: núi rừng, đất đai, sông suối... Chủ sở hữu tập thể chính là cộng đồng dân cư chung sống trong buôn làng, trong đó, già làng, trưởng buôn, người có uy tín cao đại diện quản lý về mọi mặt. Để quản lý phát triển xã hội, Luật tục Ê-đê đã dành 38 điều để quy định về vấn đề liên quan đến tài sản và quyền sở hữu tài sản.

Về việc thừa kế tài sản, người Ê-đê theo chế độ gia đình mẫu hệ nên việc tính tử hệ và thừa kế tài sản đương nhiên phải theo dòng mẹ: “Người đã chết thì cái niết, cái chà gạc được tự do, cùng với vòng đeo tay, chuỗi hạt cườm đeo cổ, cùng với các chén bát để ăn cơm, cái dùi, cái búa, cái rìu, con dao găm, cái hái và đôi dép da, một cái niết nhỏ, một cái chà gạc nhỏ, một cái ná nhỏ với ống đựng tên, phải được đem trả đầy đủ cho mẹ người chết hoặc người thừa kế gái bà ta” (điều 182).

Về việc mua bán, đổi chác, cho mượn của cải, đồ vật cũng được quy định rất rõ trong luật tục. Trước tiên, việc mua bán cần phải xem xét, cân nhắc, phải hỏi ý kiến vợ hoặc chồng, cha mẹ, người già...: “Anh đàn ông mua bừa, chị đàn bà sắm ầu đều là người lăm của, nhiều ầu đồng, chậu thau, đem tiêu, đem cho hoang phí. Vì vậy, họ làm cho người chồng chê, người vợ trách, làm cho tù trưởng nhà giàu nổi giận... Họ chẳng hỏi ý kiến người già, cũng không hỏi ý kiến người trẻ. Họ mua sắm cái gì chẳng hề nói cho ai hay... Họ là những kẻ bất chấp các dẫu cũ, bất chấp các con đường cấm, không đếm xỉa đến mọi lời khuyên bảo răn dạy. Vì vậy phải đưa họ ra xét xử” (điều 186).

Việc ai đó lợi dụng trẻ em mà dối chác, mua bán gian trá, cũng bị khép thành một loại tội để đưa ra xét xử, đó cũng là lẽ đương nhiên trong xã hội. Đối với những kẻ mượn tiền bạc, của cải mà quá hạn vẫn lần khăn không chịu trả thì buộc hẳn phải trả gấp ba: “Nếu đã quá hạn, mà hẳn chưa đem trả thì hẳn buộc phải trả thêm gấp ba lần cái hẳn đã mượn” (điều 190). Còn nếu quá hạn mà vẫn một mực không trả, thì người có của cho mượn được đến nhà và lấy bất cứ cái gì mà hẳn có để bắt nợ: “Nếu thấy trên giá treo chiêng nhà hẳn có chiêng, cứ tháo chiêng lấy đem đi; nếu thấy ở cột ché nhà hẳn có ché, cứ cơi ché lấy bê đi; nếu thấy hẳn ngủ, cứ đánh thức hẳn dậy và trước mặt hẳn, cứ lấy đi những thứ gì mà hẳn không chịu trả chẳng có tội tình gì mà sợ” (điều 190).

Các hành vi của con người xâm phạm đến quyền lợi của người khác đều được Luật tục Ê-đê quy thành từng tội cụ thể như: tội ăn cắp vặt; tội tở ăn cắp của cải của chủ; ăn trộm ngũ cốc; ăn trộm mật ong; đánh cắp thú rừng dính bẫy; đồ trộm cá trong đơm; bắt trộm gia súc, gia cầm... sẽ bị phạt theo nguyên tắc “lấy một đền ba”: “với những kẻ bao che, giấu giếm vật ăn cắp thì hẳn sẽ phải trả gấp ba, có nghĩa là ngoài cái đã mất, phải trả thêm cái trước và cái sau” (điều 213).

Có thể thấy, quyền sở hữu tài sản của phụ nữ trong Luật tục Ê-đê được bảo vệ khá đầy đủ. Tuy nhiên, khi so sánh với Bộ luật Dân sự 2015 thì Luật tục Ê-đê chưa đảm bảo quyền sở hữu của người con trai, người đàn ông trong gia đình. Điều 183 quy định: “Người con trai chưa có vợ mà có của cải, thì phải giao cho mẹ hoặc chị em gái cất giữ”. Khi có gia đình, người vợ sẽ là người quản lý tài sản, người chồng không có quyền định đoạt các tài sản này. “Người chồng không được lấy tài sản của vợ, con (gái) đem cho các cháu (con chị em gái) của mình” (điều 185). Những điều này xuất phát từ chế độ mẫu hệ lâu đời của người Ê-đê. Tuy nhiên, trong bối cảnh đất nước đổi mới và phát triển, quan niệm về quyền sở hữu trong luật tục không còn phù hợp, thậm chí có một số điểm trái với nguyên tắc bình đẳng của pháp luật dân sự Việt Nam.

Trên thực tế, tuy pháp luật ngày càng phổ biến, nhưng trong suy nghĩ của người Ê-đê, luật tục vẫn có vai trò quan trọng. Trường hợp tranh chấp về của cải, tài sản, phần lớn họ vẫn áp dụng quy định của luật tục nếu nó có sự điều chỉnh phù hợp. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, những quy định của luật tục không phù hợp hoặc mâu thuẫn với luật pháp, nhưng chúng điều chỉnh các quan hệ xã hội mà luật pháp chưa có quy định cụ thể hoặc chưa thể thâm nhập được thì có thể dung hòa, duy trì tạm thời và khắc phục dần để hòa nhập với sự phát triển chung của đất nước.

3.4. Đối với các trọng tội

Để xã hội buôn làng ổn định và phát triển, xã hội đó cần hạn chế tối đa các trọng tội, đặc biệt là giết người, đầu độc dân làng. Tội giết người, với bất cứ dân tộc nào cũng đều cho là trọng tội. Đối với người Ê-đê, giết người phải đền mạng bằng hiện vật. Điều đặc biệt là hiện vật ấy có giá trị lớn hay nhỏ còn tùy thuộc vào người bị giết là nhà giàu hay nhà nghèo: “Nếu hẳn giết một người nhà nghèo thì hẳn phải đền mạng bằng một cái la, một cẳng tay và một gang tay (đường kính). Nếu hẳn đã giết một người nhà giàu thì hẳn phải trả một cái la lớn, một cẳng tay, thêm một nắm tay (đường kính)” (điều 160). Có thể nói, trong tâm thức của người Ê-đê, ít nhiều có sự phân biệt rạch ròi giữa người giàu và người nghèo.

Đối với người Ê-đê, tính cộng đồng luôn được đặt lên hàng đầu, vì vậy, ai làm những điều vi phạm đến lợi ích chung của cộng đồng đều bị xử lý nghiêm. Luật tục quy định các tội vi phạm đến lợi ích cộng đồng, bao gồm: tội lang thang, lêu lổng không chịu sống theo khuôn phép của cộng đồng; tội không giúp đỡ người hoạn nạn; tội làm lây lan bệnh truyền nhiễm cho người khác; tội làm cháy rừng, hỏa hoạn; tội xâm phạm phong tục - tập quán của làng. Người Ê-đê quan niệm dù là dòng họ nào thì cũng có nguồn gốc “từ ông bà xưa”. Sự tương thân tương ái thể hiện trong cuộc sống thường ngày,

trong khó khăn, hoạn nạn. Bất cứ ai đi ngược với truyền thống này, như không chăm sóc người ốm chu đáo, bỏ đi hay lẩn tránh khi có tiếng kêu cứu cần sự giúp đỡ thì *phải đưa hấn ra xét xử giữa người đầu làng với hấn*. Đặc biệt là các vụ gây cháy rừng, âm mưu gây hỏa hoạn, chôn com nguội, mai táng trong rẫy người khác làm ứ ứ, cản cỗi đất đai, dơ bẩn nguồn nước... Luật tục sẽ phạt buộc người phạm tội phải hiến sinh bằng trâu trắng, lợn trắng trong các lễ trọng để tạ tội: “Hấn sẽ phải trả giá, nộp phạt để điều cấm kỵ được bỏ qua, để điều xấu xa được gột sạch, để kê trở lại sinh sôi, lúa lại đâm bông nảy hạt, để con người lại mạnh khỏe tấn tươi. Như vậy là có chuyện phải xét xử. Hấn phải tẩy ứ đất bằng trâu trắng. Một con lợn bạch sẽ được giết để hiến sinh cho người chủ rẫy” (điều 94).

Tội lén lút bóp chết trẻ sơ sinh hay những vụ giết người, giết hại cả làng bằng cách bỏ thuốc độc vào thức ăn, vào rượu, giếng nước đều bị xử trọng tội: “Nếu hấn đầu độc giết hại một đứa trẻ, hấn sẽ đền mạng bằng một con voi cái. Nếu hấn đã đầu độc giết hại một người đã lớn tuổi, hấn sẽ đền mạng bằng một con voi đực. Nếu hấn đã đầu độc giết hại một người con, người cháu của người chủ làng, thì hấn sẽ đền mạng bằng mười bộ chiêng và mười cái la” (điều 162).

Việc mua bán người trong xã hội Ê-đê cũng bị coi là có tội rất nghiêm trọng phải đưa ra xét xử vì: “Hấn là kẻ mua bừa bán bãi những người đàn ông, đàn bà” “Hấn bán người mà như bán đùm muối, gửi thuốc, đem đi bán giữa đêm hôm” ... “Như vậy là hấn đã bắt chấp dẫu cấm đường, bắt chấp rào ngăn đường, bắt chấp lời răn dạy hấn. Có việc phải đưa hấn ra xét xử” (điều 171, 172).

Nhìn chung, những hình phạt quy định trong các tội danh từ lăng mạ, đánh đập đến giết chết người thường là bồi thường và đền mạng bằng hiện vật, hiếm thấy việc lấy mạng người đền mạng người.

Luật pháp và luật tục đều thực hiện vai trò là duy trì và ổn định một trật tự cần thiết cho phát triển xã hội, điều chỉnh, điều hòa các mối quan hệ xã hội. Ngày nay, với những trọng tội, đặc biệt là giết người, cộng đồng sẽ chuyển hồ sơ xét xử theo pháp luật Nhà nước vì tính chất phức tạp của vụ việc.

4. Kết luận

Bằng nhiều cách thức như: giáo dục, răn đe, xử phạt... Luật tục Ê-đê có vai trò rất lớn trong việc tác động đến nhận thức và hành vi của các thành viên trong cộng đồng, tạo nên một trật tự cần thiết cho các hoạt động chung như: tổ chức sản xuất, bảo vệ buôn làng và bảo vệ lợi ích của từng cá nhân, từng dòng họ. Mỗi cá nhân, mỗi gia đình, dòng họ đều tự răn mình và giáo dục các thành viên khác điều chỉnh hành vi theo quy định của luật tục, ngăn chặn những hành vi làm thương tổn đến lợi ích của người khác và của cộng đồng, hướng con người tới các điều thiện. Khi các cá nhân không tự điều chỉnh và có hành vi vi phạm luật tục hoặc có những mâu thuẫn, xung đột với nhau mà không tự giải quyết được thì sẽ có sự can thiệp của cộng đồng bằng một thiết chế có tính quyền lực - Tòa án phong tục. Trong mỗi buôn Ê-đê đều có những *Khoa phạt kđi* - là người am hiểu và thông thuộc luật tục, có uy tín trong buôn làng (thường là các già làng) - đứng ra giải quyết các mâu thuẫn, xung đột. Trong xử kiện, *Khoa phạt kđi* đọc luật tục (bằng văn vần - *klei due*) và sử dụng các biện pháp của nghi thức cổ truyền, rồi sau đó phán xử như một chánh án được tin nhiệm tuyệt đối. Khi mỗi bên nguyên, bên bị đã được xét xử xong, bao giờ cũng kèm theo một nghi lễ nhằm chấm dứt những thù oán giữa các bên với sự chứng giám của các vị thần linh và cộng đồng. Vấn đề đáng quan tâm ở đây là, những điều ghi trong luật tục cũng như cách giải quyết của tòa án phong tục chủ yếu là hòa giải, giáo dục hơn là kết tội, trừng phạt. Ngay cả khi một người bị quy tội thì biện pháp trừng phạt thực chất vẫn là một hình thức hòa giải, giáo dục.

Hiện nay, Tòa án phong tục chỉ còn có ở những vùng xa các đô thị, xa các trục lộ giao thông chính. Những nơi không còn tòa án phong tục thì thay vào đó là nhóm, tổ hòa giải để giải quyết

các mâu thuẫn, xung đột xảy ra trong buôn trên cơ sở luật tục, mà biện pháp chính vẫn là hòa giải, giáo dục, răn đe. Chỉ khi nào Tổ hòa giải không xử lý được thì vụ việc mới được chuyển lên Tòa án nhân dân cấp huyện, tỉnh. Sự vận hành của luật tục vào đời sống xã hội tuy đơn giản nhưng đã mang lại hiệu quả rất lớn trong quản lý, phát triển xã hội buôn làng cũng như trong đời sống cộng đồng Ê-đê.

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Văn Dương, Lê Duyên Hà (2015), “Luật tục các dân tộc thiểu số vùng Tây Nguyên trong phát triển bền vững”, Tạp chí *Nghiên cứu lập pháp*, số 19 (299).
2. Trương Thị Hiền (2017), *Luật tục Ê Đê, một nền tư pháp hòa giải: Những giá trị xã hội và sự biến đổi*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Lâm Bá Nam (2010), “Luật tục các dân tộc bản địa ở Tây Nguyên”, Tạp chí *Dân tộc*, số 118.
4. Phan Đăng Nhật (2000), “Nguồn gốc và bản chất luật tục Tây Nguyên” trong *Luật tục và phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Đoàn Văn Phúc (1998), *Từ vựng các phương ngữ Ê-đê*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
6. Ngô Đức Thịnh (1996) (chủ biên), *Luật tục Ê-đê*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. Ngô Đức Thịnh (2003), *Tìm hiểu luật tục các tộc người ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Ngô Đức Thịnh (2007), *Những mảng màu văn hóa Tây Nguyên*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
9. Viện Khoa học Pháp lý (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.